

Số /KH-PGDĐT

Lạc Dương, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trong giáo dục và đào tạo huyện Lạc Dương

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Công văn số 478/BGDĐT-CNTT ngày 16/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện Kế hoạch số 4858/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo” giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện theo kế hoạch số 08/KH-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở GDĐT về việc Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo” giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Lạc Dương năm 2023, giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 đối với ngành giáo dục, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2022 - 2025

1.1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục tiếp tục kế thừa và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) trên nền tảng công nghệ số, công nghệ thông minh, góp phần xây dựng ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Lạc Dương hiện đại, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục và được học tập, nâng cao trình độ liên tục, suốt đời; góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho huyện Lạc Dương theo định hướng kinh tế tri thức, kinh tế số và xã hội số.

Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, và nhân dân huyện Lạc Dương về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo

dục. Thay đổi cách thức quản lý, chỉ đạo điều hành, hướng đến cách thức quản lý công việc trên nền tảng công nghệ số; thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trên nền tảng dữ liệu số; thúc đẩy đầu tư vào số hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả.

Đa dạng các hình thức, giải pháp tiếp cận nhu cầu của người học, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục bảo đảm mọi công dân đều được học tập suốt đời, hướng đến xây dựng xã hội học tập.

1.2. Mục tiêu đến 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 95% học sinh và nhà giáo được tiếp cận với giáo dục trực tuyến, 50% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

+ Triển khai có hiệu quả các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm quốc gia, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, cho phép.

+ Hình thành các kho học liệu mở, chia sẻ, trực tuyến được chọn lọc phù hợp tới từng cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; đáp ứng 50% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

+ Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở cấp trung học. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

+ Các hoạt động tương tác, trải nghiệm trực tuyến hỗ trợ có hiệu quả cho giáo dục nhà trường đạt tỷ lệ 10% thời lượng đối với giáo dục tiểu học, 20% đối với giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên.

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường

+ 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó mỗi người học, mỗi nhà giáo và mỗi hoạt động giáo dục được quản lý bằng một hồ sơ số, định danh thống nhất trong ngành giáo dục.

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin điều hành, quản lý giáo dục của ngành được hình thành, vận hành có hiệu quả, trong đó:

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, kết nối thông suốt với các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục trong huyện, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các cơ sở dữ liệu của tỉnh và quốc gia. Đến năm 2025, 100% đơn vị, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị (từ quản lý học sinh, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu, cơ sở vật chất, thu học phí không dùng tiền mặt...) đồng bộ với hệ thống dữ liệu của Ngành.

+ Hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu; 90% các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (nếu không phát sinh thanh toán).

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến trên môi trường số của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến trên môi trường số của các cơ quan quản lý giáo dục đạt 80%.

1.3. Mục tiêu đến 2030

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức dạy và học trên môi trường số

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm quốc gia, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, cho phép.

- Phát triển các kho học liệu mở, chia sẻ, trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 80% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; đáp ứng 80% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

- Các hoạt động tương tác, trải nghiệm trực tuyến hỗ trợ có hiệu quả cho giáo dục nhà trường đạt tỷ lệ 20% thời lượng đối với giáo dục tiểu học, 30% đối với giáo dục trung học.

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành

- 100% cơ sở giáo dục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

- 100% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Hệ thống thông tin điều hành, quản lý giáo dục của ngành được kết nối trực tuyến với mọi cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục, chia sẻ dữ liệu trực tuyến với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu; 90% các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật), 90% hồ sơ giấy được cắt giảm.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ được kết nối và xử lý liên thông với các phần mềm nghiệp vụ đạt tối thiểu 90%.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

- Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị đầu cuối đáp ứng dạy học môn Tin học, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn an ninh thông tin các hệ thống số hóa. Ưu tiên sử dụng mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây.

- Đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh.

- Từng bước đầu tư hệ thống phòng Lab hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế ảo tăng cường (AR), công nghệ học máy vào các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, thực hành, trải nghiệm.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy học

Triển khai thí điểm khai thác các mô hình dạy học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

b) Xây dựng và phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Xây dựng và phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu trong

toàn ngành; xây dựng các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành và thực tập ảo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thí điểm mạng Internet vạn vật (Internet of Things) hay gọi tắt là “IoT” phục vụ số hóa các nguồn lực, đối tượng và hoạt động trong trường học, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Triển khai nền tảng quản trị tới 100% cơ sở giáo dục và đào tạo (số hóa quy trình: quản lý thông tin người học, quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị văn phòng điện tử và các hoạt động quản lý khác) đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh và toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên cơ sở nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông, ... và kết nối với các nền tảng khác trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số (trường học thông minh) đảm bảo thiết thực hiệu quả.

- Triển khai cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh và quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo); xây dựng cơ sở dữ liệu trên nguyên tắc cơ sở dữ liệu tập trung được lưu giữ một cách có hệ thống và lâu dài. Cơ sở dữ liệu giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, vận hành và khai thác.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục;

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử.

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội; nêu cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số thành công để xây dựng “cơ quan số” tại đơn vị, địa phương, toàn ngành giáo dục; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của đơn vị và toàn ngành.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc,

phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời cho các tổ chức quốc tế.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

a) Hướng dẫn thực hiện về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

b) Thực hiện các quy định kỹ thuật về dữ liệu; hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho ngành giáo dục; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trong ngành giáo dục đào tạo.

Tham mưu nguồn kinh phí, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với các đơn vị trường

a) Căn cứ vào kế hoạch này để xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị mình (trong đó lưu ý đến dự toán kinh phí hàng năm triển khai để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt).

b) Xây dựng các giải pháp tăng cường nguồn lực, dự toán kinh phí bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số tại đơn vị.

c) Hàng năm tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn và báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số của ngành giáo dục và đào tạo huyện Lạc Dương năm 2023, giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Giáo dục và Đào tạo để kịp thời hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (báo cáo);
- Các trường trực thuộc;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thủy